

Di cư, tích tụ dân số nhanh và những tác động đến kinh tế, xã hội từ góc nhìn của người di cư đến các tỉnh Đông Nam Bộ

Luu Bích Ngọc

Viện Dân số và các vấn đề xã hội, Trường đại học Kinh tế quốc dân

Email: bichngoclu@gmail.com

Nguyễn Thị Thiêng

Viện Dân số và các vấn đề xã hội, Trường đại học Kinh tế quốc dân

Email: thiengnt@gmail.com

Ngày nhận: 13/7/2016

Ngày nhận bản sửa: 15/8/2016

Ngày duyệt đăng: 25/8/2016

Tóm tắt:

Đông Nam Bộ là vùng công nghiệp hóa, đô thị hoá nhanh, hiện đã trở thành khu vực kinh tế phát triển nhất Việt Nam, đóng góp hơn 2/3 tổng thu ngân sách nhà nước hàng năm. Đây là vùng có tỷ lệ đô thị hoá cao gấp đôi tỷ lệ chung của toàn quốc. Đồng thời, đây cũng là vùng có mức độ tập trung dân số nhanh nhất nước trong thập niên vừa qua xét cả về quy mô lẫn tỷ suất nhập cư. Di cư, tích tụ dân số tạo nên những tác động tích cực cả về kinh tế, xã hội. Bên cạnh đó, nó cũng tạo nên những áp lực đối với cả 2 mặt nói trên. Nghiên cứu này thực hiện đánh giá tác động của di cư, tích tụ dân số nhanh đến kinh tế, xã hội của vùng Đông Nam Bộ dựa trên ý kiến đánh giá tác động của chính bản thân người di cư. Những nhân tố ảnh hưởng đến các nhận định của người di cư về các tác động tích cực hoặc tiêu cực cũng được làm rõ bằng phân tích hồi quy.

Từ khóa: Di cư; Tích tụ dân số; Tác động kinh tế, xã hội, Đông Nam Bộ

Migration, rapid population concentration and socio-economic impacts evaluated by migrants in Southeast region

Abstract:

Southeast is the rapid urbanization and industrialization region that has now become a most developed economic region in Vietnam, contributing more than 2/3 of the total of state budget revenue annually. This area has a urbanization rate double higher than the national average rate. At the same time, this is also the region that has the fastest population concentration level in the country in some last decades both in terms of size and migration rate. Migration, rapid population concentration created the positive impacts on economy, society. Besides, it also created many pressures on three sides above. This study aimed at analyzing the economic, social impacts of migration and rapid population concentration in Southeast region, that based on the evaluation of the migrants themselves. The factors affecting the migrants' evaluations on the positive or negative impacts were made clearer by regression analysis.

Keywords: Migration; population concentration; socio-economic impacts; southeast region

1. Giới thiệu

Sau chính sách Đổi Mới của Chính phủ, Đông Nam Bộ là vùng công nghiệp hóa, đô thị hóa nhanh,

thu hút vốn đầu tư mạnh nhất trên toàn quốc, đồng thời, đây cũng là vùng có mức độ tập trung dân số nhanh trong thập niên vừa qua. Theo kết quả Tổng

Điều tra Dân số và Nhà ở ngày ngày 1 tháng 4 năm 2009 (Tổng cục Thống kê, 2010), dân số vùng Đông Nam Bộ là 14.025.387 người, chiếm 16,34% dân số toàn quốc và là vùng có tốc độ tăng dân số cao nhất nước. Lao động từ nhiều vùng, miền khác nhau tập trung về đây, vùng Đông Nam Bộ đã tận hưởng lợi thế giá lao động rẻ để tăng trưởng và phát triển kinh tế. Đông Nam Bộ đã trở thành khu vực kinh tế phát triển nhất Việt Nam, đóng góp hơn 2/3 tổng thu ngân sách nhà nước hàng năm. Trong khi tỷ lệ đô thị hoá trung bình của cả nước năm 2014 đạt 33,9% thì tỷ lệ đô thị hoá ở Đông Nam Bộ đã đạt 64,95% (Tổng cục Thống kê, 2015).

Theo quy luật, những vùng công nghiệp hóa, đô thị hóa nhanh sẽ có sức thu hút mạnh người nhập cư. Tỷ lệ nhập cư thuần của vùng Đông Nam Bộ giai đoạn 2004-2009 là 127%, gấp 4 lần so với Tây Nguyên, khu vực có tỷ lệ nhập cư thuần lớn thứ hai của Việt Nam, gấp 2 lần so với giai đoạn 1994-1999. Trong giai đoạn 5 năm 2004-2009, vùng Đông Nam Bộ đã đón 1.635 nghìn người nhập cư, lớn gấp hơn 5 lần so với tổng số người nhập cư vào Đồng bằng sông Hồng, vùng có quy mô người nhập cư lớn thứ hai (289 nghìn người), lớn gấp gần 3 lần so với giai đoạn 1994-1999 (580 nghìn người) (Tổng Cục Thống kê, 2010).

Di cư và tích tụ dân số mang trong nó cả những tác động ở tầm vi mô đối với người di cư lẫn những tác động ở tầm vĩ mô đối với phát triển vùng. Ở tầm vi mô, di cư giúp “thoả mãn” những nhu cầu về tìm kiếm việc làm, thu nhập, cải thiện cuộc sống. Ở tầm vĩ mô, di cư có cả tác động tích cực và tiêu cực với kinh tế, xã hội, môi trường của vùng nhập cư.

Bài viết này mô tả bức tranh tích tụ dân số vào vùng Đông Nam Bộ trong 3 thập niên trước đây để cho thấy cùng với quá trình công nghiệp hoá - đô thị hoá, tích tụ dân số nhanh đã biến Đông Nam Bộ trở thành vùng phát triển nhất của Việt Nam. Sau đó, bài viết trình bày đánh giá tác động của di cư, tích tụ dân số đến kinh tế, xã hội của vùng Đông Nam Bộ theo ý kiến đánh giá của người di cư về những tác động nói trên.

2. Tổng quan nghiên cứu

Di dân nội địa được đặc trưng nổi bật bởi luồng di dân nông thôn - thành thị nổi lên mạnh từ những năm 1950. Lewis (1954) đã coi di dân nông thôn - đô thị là một bộ phận cấu thành của quá trình phát triển kinh tế, cung cấp lực lượng lao động “dư thừa” nông thôn cho nền kinh tế công nghiệp đô thị. Điều

này có thể dẫn đến một số hậu quả không mong đợi, như: làm giảm nhu cầu lao động bản địa, làm giảm giá nhân công trên thị trường lao động.

Tương đồng với bối cảnh của Việt Nam là các nghiên cứu về di cư ở Trung Quốc, Zhu (2002) đã sử dụng mô hình toán học để phân tích các nhân tố, chỉ ra một số tác động đến di dân nông thôn-đô thị như: (1) Tăng lương cận biên đô thị hoặc giảm lương cận biên nông thôn, làm tăng di cư từ nông thôn ra thành thị; (2) Cơ hội việc làm được tạo ra nhiều ở khu vực thành thị tác động mạnh đến nhập cư vào đô thị; (3) Giảm chi phí di chuyển sẽ làm tăng di dân nông thôn - đô thị; (4) Phát triển khu vực nông thôn làm giảm di dân nông thôn - đô thị.

Laing & cộng sự (2005) tiếp tục khẳng định chênh lệch thu nhập bình quân đầu người giữa các khu vực là động lực chủ yếu thúc đẩy di cư. Những ảnh hưởng của lao động di cư đối với nơi nhập cư cũng được tác giả phân tích dưới các khía cạnh: tỷ lệ tìm được việc làm ở đô thị thấp, tỷ lệ thất nghiệp đô thị cao, giảm giá nhân công trên thị trường lao động đô thị.

Ở Việt Nam, liên quan đến tác động của di cư đối với cộng đồng nơi đến, nhiều nghiên cứu nhấn mạnh tầm quan trọng của người di cư trong việc bổ sung nguồn lao động phục vụ phát triển kinh tế và đóng góp đáng kể vào sự tăng trưởng của các đô thị và trung tâm công nghiệp nơi họ chuyển đến (Viện nghiên cứu kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, 1996; Đặng Nguyên Anh, 1997, 1998, 1999 và 2005; Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội khóa XI, 2005; UN Việt Nam, 2010). Bên cạnh những tác động tích cực này, các nghiên cứu cũng chỉ ra những ảnh hưởng tiêu cực của di cư đối với kinh tế-xã hội của nơi đến, cụ thể là khó khăn trở ngại trong công tác quản lý hành chính (Đặng Nguyên Anh, 1999); tăng sức ép đối với hệ thống cơ sở hạ tầng như nhà ở, nước sạch, vệ sinh, giao thông đi lại,... và hệ thống dịch vụ xã hội như y tế, giáo dục,... (Đặng Nguyên Anh, 1999; UN Việt Nam, 2010); giá nhân công của lao động nhập cư thấp hơn dẫn đến gia tăng cạnh tranh giữa lao động nhập cư với lao động bản địa về phương diện giá nhân công, đồng thời việc tăng lực lượng lao động cũng làm tăng tỷ lệ thất nghiệp ở đô thị (Viện nghiên cứu kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, 1996).

3. Phương pháp nghiên cứu

Di cư và tích tụ dân số nhanh đến vùng Đông Nam Bộ được minh chứng bằng các số liệu phân

tích từ bộ số liệu của các cuộc Tổng điều tra Dân số và Nhà ở các năm 1979, 1989, 1999, 2009 và Điều tra Dân số giữa kỳ thời điểm 1/4/2014. Các chỉ báo về quy mô dân số, tỷ suất nhập cư thuần của Đông Nam Bộ được so sánh với các chỉ báo này của các vùng địa lý khác để làm nổi bật mức độ tích tụ dân số vào Đông Nam Bộ trong vòng 30 năm sau Đổi Mới.

Nghiên cứu này không đánh giá trực tiếp ảnh hưởng của di cư đến phát triển kinh tế - xã hội mà đánh giá thông qua ý kiến của người di cư về tác động tích cực và tiêu cực của di cư đến phát triển kinh tế, xã hội tại địa phương nơi đến. Kết quả phân tích không những phản ánh những tác động thực của di cư mà còn cho biết được nhận thức của người di cư về hoạt động di chuyển của mình, đồng thời những thông tin này sẽ giúp ước lượng được động lực di cư của họ trong thời gian tiếp theo.

Bộ dữ liệu dùng cho phân tích thu được từ điều tra của Viện Dân số và các vấn đề xã hội, Trường Đại học Kinh tế quốc dân tháng 12 năm 2014 dưới sự tài trợ của Quỹ Khoa học – Công nghệ quốc gia (Nafosted). Trong điều tra này, Đồng Nai và Bình Dương là hai tỉnh điển hình của vùng Đông Nam Bộ được chọn làm địa bàn nghiên cứu. Bảng hỏi bán cấu trúc được thực hiện với những người di cư từ 15 – 60 tuổi, đến hai tỉnh này trong 10 năm qua, hiện đang làm việc ở cả khu vực chính thức và phi chính thức. Quy mô mẫu được xác định dựa vào công thức tính mẫu khi biết tổng thể mẫu (tổng số người di dân đến các địa bàn nghiên cứu theo kết quả Tổng điều tra Dân số và Nhà ở năm 2009), với độ tin cậy thống kê đạt 95%. Quy mô mẫu cần thiết là 700 đơn vị. Mỗi tỉnh có 350 người di cư được điều tra, trong đó khoảng 70% người nhập cư đến khu vực chính thức, 30% người nhập cư đến khu vực phi chính thức. Phương pháp chọn mẫu phân tầng, ngẫu nhiên hệ thống đã được áp dụng.

Tác động của nhập cư, tích tụ dân số nhanh đến kinh tế, xã hội ở Đông Nam Bộ được phân tích trên cơ sở ý kiến đánh giá của chính người di cư về những nhận định được nêu ra (Bảng 1). Những nhận định này được phát hiện sơ bộ từ nghiên cứu định tính khám phá trước đó. Câu hỏi được đặt ra để yêu cầu người di cư lượng hóa các tác động là: “*Theo anh chị những đóng góp của người di cư theo các phương án đề xuất dưới đây ở mức độ quan trọng như thế nào?*”. Với mỗi phương án được đề xuất, 5 mức đánh giá (từ 1 đến 5) được người di cư xác

định. Mức 5 là mức đóng góp cao nhất và 1 là mức đóng góp thấp nhất. Phân tích này sẽ thay 5 mức độ đánh giá của người di cư bằng 2 mức độ như sau: mức 1 và mức 2 là ý kiến đánh giá không quan trọng hay nói các khác là đóng góp không nhiều. Mức 3, mức 4 và mức 5 là quan trọng và rất quan trọng hay là mức đóng góp nhiều.

Những ý kiến nhận định của người di cư về tác động tích cực hay tiêu cực của nhập cư đến phát triển kinh tế, xã hội của nơi đến có thể bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như các đặc trưng cá nhân của người di cư, những ảnh hưởng khách quan từ bên ngoài tới hành vi di cư. Để có được đánh giá chính xác hơn về tác động “thực” của di cư, tích tụ dân số tới các vấn đề kinh tế, xã hội, hồi quy logistic đa biến (multinomial logistics regression) đã được sử dụng để phân tích những nhân tố ảnh hưởng đến ý kiến đánh giá của người di cư cũng như những yếu tố có thể trở thành lực hút hoặc lực đẩy cho các dòng di cư tiếp theo. Phương trình hồi quy được sử dụng có dạng:

$$\text{Log} (p_i p_j) = \alpha_{ij} + \beta_{ij1}x_1 + \beta_{ij2}x_2 + \dots + \varepsilon_{ij}$$

Các biến số độc lập được đưa vào mô hình phân tích hồi quy có thể chia thành 3 nhóm như sau:

Nhóm 1: Các yếu tố liên quan đến chính sách di cư, gồm chính sách liên quan đến hộ khẩu hộ tịch, các chính sách liên quan đến cung cấp dịch vụ xã hội công như: điện, nước, giáo dục và y tế công...

Nhóm 2: Các yếu tố thuộc về cộng đồng, gồm mạng lưới xã hội, vốn xã hội, sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương nơi đến (cung về việc làm, tiếp cận các dịch vụ công như điện, nước, y tế, giáo dục...).

Nhóm 3: Các yếu tố thuộc cá nhân người di cư gồm: tuổi, giới tính, trình trạng hôn nhân, trình độ học vấn phổ thông, trình độ chuyên môn, tình trạng việc làm, lĩnh vực kinh tế, nơi làm việc, thu nhập, quê gốc.

4. Tích tụ dân số nhanh ở Đông Nam Bộ

Kết quả các Tổng điều tra Dân số và Nhà ở các năm 1979, 1989, 1999, 2009 và Điều tra giữa kỳ năm 2014 cho thấy giai đoạn 1979-1989, sau Tây Nguyên, Đông Nam Bộ đã là vùng có tốc độ tăng dân số cao nhất, 2,7%/năm. Tích tụ dân số bắt đầu diễn ra ở Đông Nam Bộ từ những năm 1989, sau khi Việt Nam thực hiện chính sách Đổi Mới, xây dựng các khu công nghiệp và thu hút đầu tư nước ngoài. Trong 10 năm từ 1989-1999, dân số khu vực Đông

Bảng 1: Các biến số đánh giá tác động của nhập cư, tích tụ dân số nhanh

ND	Đánh giá tác động tích cực	Đánh giá tác động tiêu cực
Kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> + Góp phần vào phát triển các ngành nghề + Sau khi có thu nhập tốt tiếp tục tái đầu tư vốn cho phát triển sản xuất, kinh doanh + Góp phần bù đắp thiếu hụt lao động + Làm cho người địa phương giàu lên vì có thể kinh doanh các loại hình dịch vụ (thuê nhà ở, thuê trông trẻ...) 	<ul style="list-style-type: none"> + Góp phần làm tăng thất nghiệp
Xã hội	<ul style="list-style-type: none"> + Phát huy hiệu quả của hệ thống y tế + Phát huy hiệu quả của hệ thống giáo dục + Mang đến nơi đây nét đẹp văn hóa 	<ul style="list-style-type: none"> + Làm quá tải hệ thống hạ tầng giao thông + Làm quá tải hệ thống y tế + Làm quá tải hệ thống giáo dục + Gây mất trật tự xã hội do người di cư hay gây rối, đánh nhau + Hay uống rượu và lái xe gây tai nạn giao thông + Hay vi phạm luật giao thông, đi lại “bừa bãi” + Người di cư góp phần làm tăng các bệnh lây truyền qua đường tình dục do quan hệ tình dục không an toàn + Người di cư lấy cắp của nhau gây lộn xộn xã hội

Bảng 2. Quy mô dân số các vùng ở Việt Nam qua các năm 1979-2014*Đơn vị: Nghìn người*

TT	Vùng kinh tế xã hội	1979	1989	1999	2009	2014
1	Miền núi và trung du Bắc Bộ	8.069	10.242	11.053	11.065	11.633
2	Đồng bằng sông Hồng	11.445	13.784	16.834	19.578	20.649
3	Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung	13.080	15.459	16.536	18.836	19.482
4	Tây Nguyên	1.529	2.512	4.060	5.107	5.504
5	Đông Nam Bộ	6.276	7.987	11.710	14.025	15.721
6	Đồng bằng sông Cửu Long	12.341	14.428	16.131	17.179	17.501
	Toàn quốc	52.742	64.412	76.323	85.789	90.493

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Thống kê

Nam Bộ đã tăng từ 7.987 nghìn người lên 11.710 nghìn người, tốc độ tăng trung bình trong giai đoạn này lên tới 4,7%/năm. Đây là thời kỳ mà Đông Nam Bộ có tốc độ tăng trưởng dân số lớn nhất. Bước sang giai đoạn 1999-2009, quy mô dân số vùng Đông Nam Bộ đã tăng lên tới 14.025 nghìn người, với tốc độ tăng trung bình 2,0%/năm. Tính đến ngày 1 tháng 4 năm 2014, quy mô dân số của vùng này là 15.721 nghìn người, tốc độ tăng dân số trung bình giai đoạn 2009-2014 là 2,23% (Bảng 2 và bảng 3).

Mật độ dân số vùng Đông Nam Bộ đã tăng từ 265 người/km² năm 1979 lên 333 người/km² năm 1989; 434 người/km² năm 1999 và 594 người/km² năm 2009. Như vậy, mức độ tập trung dân trên một đơn vị diện tích lãnh thổ tại vùng này đã tăng 2,23 lần trong 30 năm, trong khi mức tăng trung bình của toàn quốc là 1,6 lần.

Tích tụ dân số ở Đông Nam bộ chủ yếu là do nhập cư. Trong giai đoạn 2004-2009, tỷ suất nhập cư ở vùng này gấp 9 lần so với tỷ suất nhập cư vào

Bảng 3. Tốc độ tăng dân số các vùng của Việt Nam các giai đoạn 1979-2014

Đơn vị: phần trăm

TT	Vùng kinh tế xã hội	1979-1989	1989-1999	1999-2009	2009-2014
1	Miền núi và trung du Bắc Bộ	26,9	7,9	6,1	5,1
2	Đồng bằng sông Hồng	20,4	22,1	16,3	5,3
3	Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung	18,2	7,0	13,9	3,4
4	Tây Nguyên	64,2	61,6	25,8	7,3
5	Đông Nam Bộ	27,3	46,6	19,8	11,1
6	Đồng bằng sông Cửu Long	16,9	11,8	6,5	1,8
	Toàn quốc	22,1	18,5	12,4	5,3

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Thống kê

Bảng 4: Tỷ suất di dân thuần túy qua các năm, các giai đoạn 2004-2014

Đơn vị: phần nghìn

TT	Vùng kinh tế xã hội	2004-2009	2010	2011	2012	2013	2009-2014
1	Trung du và miền núi phía Bắc	-17,5	-3,9	-3,3	-2,6	-2,3	-8,1
2	Đồng bằng sông Hồng	-1,7	0,5	0,9	0,2	-0,3	0,3
3	Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung	-34,6	-5,7	-4,0	-4,4	-1,7	-15,0
4	Tây Nguyên	11,2	-0,3	-2,4	3,7	2,1	1,0
5	Đông Nam Bộ	107,7	19,9	14,8	11,7	8,3	56,9
6	Đồng bằng sông Cửu Long	-40,4	-8,4	-6,5	-5,0	-4,3	-29,7
*	Bình Dương	314,4	74,6	42,7	48,9	34,5	205,3
*	Đồng Nai	60,8	16,3	22,1	12,5	6,7	30,4

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Thống kê

3 vùng: vùng Trung du và miền núi phía Bắc, vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung và vùng Đồng bằng sông Cửu Long (135‰ so với 15,9‰; 16,0‰ và 16,3‰), gấp 4 lần so với tỷ suất nhập cư của vùng Đồng bằng sông Hồng (35‰), thậm chí gấp 3 lần tỷ suất nhập cư đến Tây Nguyên (43,3‰).

Xem xét tỷ suất di cư thuần túy qua các giai đoạn cho thấy giai đoạn 2004-2009, trong khi các vùng có tỷ suất di cư thuần túy mang dấu (-), có nghĩa là số người xuất cư đi nhiều hơn số người nhập cư đến, hay tỷ suất này ở Tây Nguyên chỉ là 11,2‰ thì tỷ suất này ở Đông Nam Bộ là 107,7‰. Điều này cho thấy, Đông Nam Bộ thực sự là vùng thu hút người di cư đến lớn nhất ở Việt Nam. Quan sát cho thấy những năm gần đây tỷ suất di dân thuần túy đến vùng này có xu hướng giảm đi, 19,9‰ năm 2010, giảm còn 14,8‰ năm 2011; 11,7‰ năm 2012 và 8,3‰ năm 2013; tỷ suất di dân 5 năm 2009-2014 cũng giảm còn 56,9‰ (Bảng 4). Nguyên nhân có thể là do sức hút của vùng này đã suy giảm khi các vùng khác đã bắt

đầu phát triển dần mạnh lên, cũng có thể do tác động của khủng hoảng kinh tế toàn cầu tác động vào hoạt động sản xuất nội tại của vùng này. Các giả thuyết này sẽ cần phải được kiểm nghiệm.

5. Tác động đến các vấn đề kinh tế, xã hội

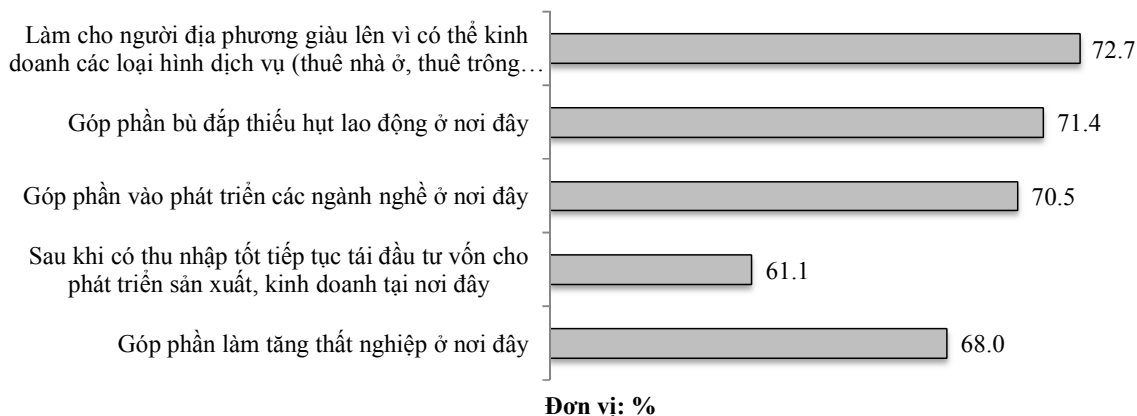
5.1. Tác động đến kinh tế

5.1.1. Ý kiến đánh giá của người di cư về tác động đến kinh tế

Về tác động tích cực, khoảng trên dưới 70% người di cư được điều tra đã đánh giá di dân làm cho tích tụ dân số nhanh, tác động mạnh đến phát triển kinh tế địa phương nơi đến. Theo họ, đóng góp mạnh nhất của di cư tại vùng đến là giúp người dân địa phương giàu lên do phát triển các dịch vụ (72,7%), thứ hai là bù đắp thiếu hụt lao động (71,4%), thứ ba là tiếp tục tái đầu tư vốn cho phát triển sản xuất (70,5%) và thứ tư là góp phần phát triển các ngành nghề (68,5%) (Hình 1).

Về tác động tiêu cực, 68,0% người được điều tra đã nhận định nhập cư làm gia tăng tình trạng thất

Hình 1: Tỷ lệ người di cư có ý kiến đánh giá tác động của di cư đối với phát triển kinh tế ở địa phương là quan trọng



Nguồn: Điều tra của Viện Dân số và các vấn đề xã hội (2015)

ng nghiệp ở nơi đến, nguy cơ này được một tỷ lệ cao (72,1%) người di cư có trình độ chuyên môn từ thợ bậc ba trở xuống đánh giá quan trọng.

5.1.2. Những nhân tố ảnh hưởng ý kiến đánh giá của người di cư về tác động tới kinh tế

Đối với ý kiến đánh giá tác động tích cực, kết quả phân tích hồi quy cho thấy đối tượng điều tra là cán bộ quản lý và thợ bậc 3 trở lên nhận định mức độ đóng góp của họ cho kinh tế ở địa phương ít quan trọng hơn người di cư là lao động tự do. Người di cư có trình độ chuyên môn từ thợ bậc 3 trở xuống lại cho rằng mình góp phần vào phát triển kinh tế ở địa phương cao hơn so với lao động tự do. Có thể thấy là tính khả dụng của lao động di cư ở khu vực Đông Nam Bộ mới chỉ được phát huy mạnh đối với lao động có trình độ chuyên môn từ bậc 3 trở xuống. Xem xét các yếu tố thuộc về cộng đồng thì thấy những người cho rằng “các chủ doanh nghiệp ít chú ý đến đào tạo công nhân” hay “không có nhiều trung tâm dạy nghề” hay “hệ thống bệnh viện tốt” lại đánh giá đóng góp của người di cư đến kinh tế của địa phương là quan trọng. Xem xét yếu tố mạng lưới xã hội của người di cư cho phép nhận định rằng, những người không được hoặc không cần nhờ giới thiệu việc làm hay hỗ trợ nhà ở và các điều kiện sinh hoạt khác đã đánh giá sự đóng góp của người di cư cho kinh tế của địa phương nơi đến quan trọng hơn so với người di cư đã được người di cư đi trước giới thiệu việc làm, hỗ trợ nơi ở.

Đối với ý kiến đánh giá tác động tiêu cực, hầu hết những người di cư có trình độ chuyên môn cao (từ sơ cấp, cao đẳng, đại học) đánh giá tác động tiêu cực

này có ý nghĩa quan trọng hơn so với những người di cư không có trình độ chuyên môn. Phải chăng lao động có trình độ chuyên môn “không được trọng dụng” tại Đông Nam Bộ do cầu lao động của vùng này về lao động có trình độ chuyên môn vẫn không cao. Sản xuất vẫn chỉ dựa trên công nghệ cần nhiều lao động trình độ thấp và giá lương rẻ. Nếu người di cư có quan niệm này, họ rất dễ có xu hướng rời khỏi đây đi nơi khác hoặc quay về quê cũ. Những người di cư hiện đang phải làm việc trên 40 giờ/tuần cũng đưa ra nhận định này cao hơn nhóm người di cư chỉ làm việc dưới 40 giờ/tuần. Những người làm việc tại doanh nghiệp hoặc cơ sở lao động tư nhân đánh giá tác động tiêu cực cao nhất, xếp hàng thứ hai là những người làm doanh nghiệp ở nước ngoài. Chỉ riêng nhóm người làm ở các công ty hoặc doanh nghiệp cổ phần là có ý kiến đánh giá ngược lại. Những người di cư cho rằng môi trường sống không tốt cũng đánh giá tác động tiêu cực của di cư đến kinh tế mạnh hơn. Những người không được trợ giúp tìm việc làm hoặc chỗ ở hoặc không được giúp đỡ cho vay tiền đánh giá tác động tiêu cực của di cư tới kinh tế mạnh hơn. Xem xét các yếu tố liên quan đến hoà nhập cộng đồng, những người quen thân với người bản địa và tham gia sinh hoạt cộng đồng đánh giá ảnh hưởng tiêu cực ít hơn những người không tham gia sinh hoạt cộng đồng.

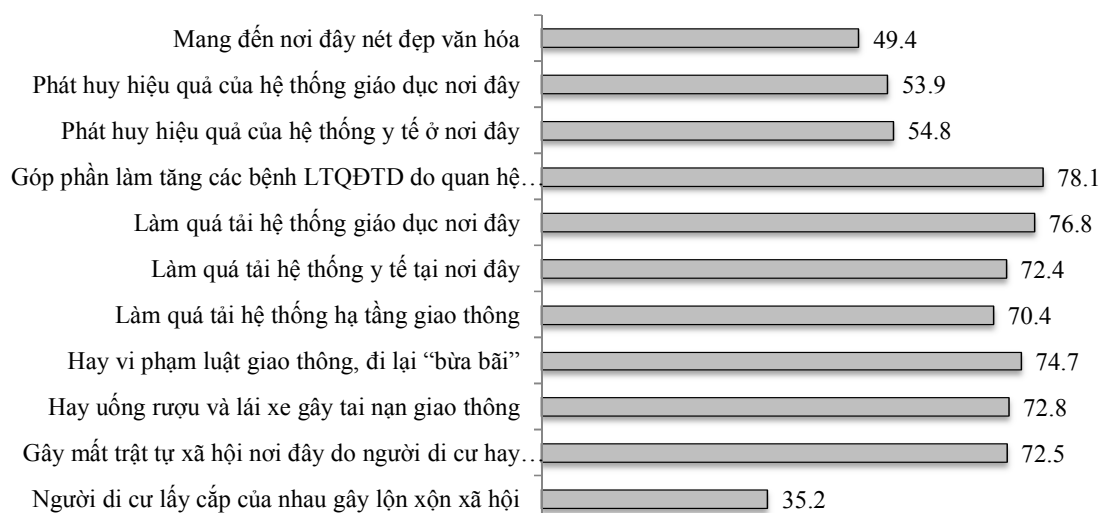
5.2. Tác động đến xã hội

5.2.1. Ý kiến đánh giá của người di cư về tác động đến xã hội

Tác động tích cực về xã hội của người di cư đến địa phương nơi đến được khảo sát liên quan đến y

Hình 2: Tỷ lệ người di cư có ý kiến đánh giá tác động của di cư đối với phát triển xã hội ở địa phương là quan trọng

Đơn vị: %



Nguồn: Điều tra của Viện Dân số và các vấn đề xã hội (2015)

tế, giáo dục và các nét đẹp về văn hoá. Kết quả cho thấy mức độ tác động đến xã hội được đánh giá thấp hơn so với tác động về kinh tế. Đóng góp tích cực về xã hội được đánh giá quan trọng nhất là “người di cư giúp phát huy hiệu quả của hệ thống y tế (54,8%), tiếp đến là “giúp phát huy hiệu quả của hệ thống giáo dục (53,9%)... Khoảng 50% người có ý kiến đánh giá là người di cư mang đến nơi mới nét đẹp văn hoá.

Người di cư đánh giá tác động tiêu cực của di cư đến phát triển xã hội ở nơi đến mạnh hơn so với tác động tích cực (trên 70% so với trên 50%). “Góp phần làm tăng các bệnh lây truyền qua đường tình dục do có những quan hệ tình dục không an toàn” là tác động được đánh giá quan trọng với một tỷ lệ cao nhất (78,1%). Nhóm thứ hai là các tác động “Làm quá tải hệ thống giáo dục” (76,8%); “Làm quá tải hệ thống y tế” (72,4%). Nhóm thứ ba được trên 70% người di cư đánh giá là quan trọng gồm “Hay vi phạm luật giao thông” (74,7%); “Hay uống rượu, lái xe gây tai nạn” (72,8%) và “Gây mất trật tự xã hội do hay gây rối, đánh nhau” (72,5%). Chỉ có 35,2% người được phỏng vấn đánh giá người di cư đã tác động tiêu cực đến xã hội do “trộm cắp đồ của nhau và gây lộn xộn xã hội”.

5.2.2. Những nhân tố ảnh hưởng ý kiến đánh giá của người di cư về tác động tới xã hội

Về ý kiến đánh giá tác động tích cực, kết quả phân tích hồi quy cho thấy nghề nghiệp hiện tại của

người di cư có tác động đến ý kiến đánh giá. Lao động tự do, lao động trong hộ gia đình và người có trình độ chuyên môn từ bậc 3 trở xuống đánh giá di cư có tác động tích cực đến các lĩnh vực xã hội mạnh hơn những người có trình độ chuyên môn và nghề nghiệp cao. Kết quả này cho thấy chỉ có những người di cư có trình độ học vấn, chuyên môn, nghề nghiệp cao mới nhìn thấy “áp lực” của di cư đối với xã hội ở nơi đến. Với nhận thức này, quyết định di cư của những người có trình độ học vấn, chuyên môn, nghề nghiệp cao sẽ “khó khăn” hơn. Những người có thu nhập càng cao thì đánh giá ảnh hưởng tích cực của di cư đến xã hội ở nơi đến càng cao.

Liên quan đến yếu tố quan niệm xã hội, những người di cư cho là có ít nhà máy công trường, ít công ty nước ngoài ở địa phương nơi đến lại đánh giá di cư đóng góp tích cực cho phát triển xã hội cao hơn. Những người cho rằng dịch vụ cuộc sống ở nơi đến chưa tốt đánh giá đóng góp của di cư vào các tác động xã hội mang tính tích cực cao hơn, vì chính họ đã góp phần cải thiện dịch vụ cuộc sống tại nơi đến.

Liên quan đến yếu tố mạng lưới xã hội, những người di cư được trợ giúp về chỗ ở hay những người không cần trợ giúp tâm lý, không cần trợ giúp về an ninh đánh giá đóng góp tích cực của di cư đến phát triển xã hội ở nơi đến mạnh hơn.

Liên quan đến yếu tố hoà nhập xã hội, những người kém hòa nhập với cộng đồng nơi đến lại đánh giá đóng góp tích cực của di cư tới phát triển xã hội

mạnh hơn. Có thể do kém hòa nhập cộng đồng, thiếu thông tin mà người di cư cho rằng họ làm phát huy hiệu quả của hệ thống y tế và giáo dục tại nơi đến. Thực tế, tại vùng Đông Nam Bộ hệ thống giáo dục đang chịu những “áp lực” từ tích tụ dân số nhanh. Nhiều trường tiểu học, trung học cơ sở phải học 3 ca liên tục hoặc phải nâng sĩ số học sinh cho một lớp.

Về ý kiến đánh giá tác động tiêu cực, trong nhóm yếu tố thuộc đặc trưng nhân khẩu học, chỉ có biến số “nơi làm việc” là có ý nghĩa thống kê. Những đánh giá tác động tiêu cực đến xã hội của người di cư lớn nhất là ở nhóm người lao động tự do và lao động gia đình, trong khi công nhân và cán bộ quản lý làm việc trong các khu công nghiệp đánh giá ảnh hưởng tiêu cực về xã hội ít hơn.

Trong nhóm các yếu tố liên quan đến quan điểm về phát triển kinh tế, xã hội và cộng đồng, nếu người di cư cho là “không được chủ doanh nghiệp quan tâm đào tạo” đánh giá tác động tiêu cực của người di cư đến xã hội lớn hơn. Những người có quan điểm “dịch vụ cuộc sống ở nơi đến tốt và có nhiều khu vui chơi giải trí” hay “hệ thống bệnh viện và y tế xã/phường tốt” đã cho rằng người di cư có ảnh hưởng tiêu cực đến các vấn đề xã hội ở mức thấp.

Liên quan đến mạng lưới xã hội, nhóm người di cư không nhận được được hỗ trợ về nhà ở và các trợ giúp khác đánh giá tác động của người di cư đến xã hội theo hướng tiêu cực nhiều hơn. Những người cần sự trợ giúp về tâm lý đánh giá người di cư mang đến nhiều ảnh hưởng tiêu cực cho xã hội hơn những người không cần sự trợ giúp này. Nhóm người không nhận được sự trợ giúp về an ninh, tránh xâm phạm đánh giá di cư có ảnh hưởng tiêu cực đến xã hội mạnh nhất. Những người di cư có quan hệ thân thiết với người dân bản địa đánh giá di cư ít có ảnh hưởng tiêu cực tới xã hội hơn.

6. Kết luận và một số hàm ý chính sách

6.1. Kết luận

Đông Nam Bộ là vùng có tốc độ đô thị hóa, công nghiệp hóa và mức độ tích tụ dân số nhanh nhất trong cả nước trong những năm vừa qua. Mức độ tích tụ dân số vào vùng Đông Nam Bộ diễn ra mạnh nhất vào giai đoạn 2004-2009. Bước sang giai đoạn 2009-2014, mức độ tích tụ dân số có xu hướng giảm dần song vẫn dẫn đầu các vùng trong cả nước.

Dưới góc nhìn của chính bản thân người di cư, người di cư đến nhiều đã góp phần tác động tích cực

đến kinh tế, xã hội của địa phương. Tác động tích cực về kinh tế được đánh giá mạnh hơn tác động về xã hội. Theo ý kiến của khoảng 2/3 người di cư, đóng góp mạnh nhất của di cư tại vùng đến là giúp người dân địa phương giàu lên do phát triển các dịch vụ, tiếp đến là bù đắp thiếu hụt lao động, sau khi có thu nhập tốt và ổn định cuộc sống, người di cư lại dùng vốn tiết kiệm tiếp tục tái đầu tư vốn cho phát triển sản xuất và góp phần phát triển các ngành nghề. Một góc độ nào đó, di cư đến cũng giúp phát huy hiệu quả hệ thống y tế nơi đến, giúp phát huy hiệu quả của hệ thống giáo dục với nhiều loại hình giáo dục được mở ra để đáp ứng nhu cầu học tập của người dân. Khoảng một nửa số người cho rằng người di cư mang đến nơi mới nét đẹp văn hóa.

Tuy nhiên, bên cạnh đó, khoảng hơn 2/3 số người cho rằng người di cư góp phần làm tăng các bệnh lây truyền qua đường tình dục do có những quan hệ tình dục không an toàn; làm quá tải hệ thống giáo dục; làm quá tải hệ thống y tế; hay vi phạm luật giao thông; hay uống rượu, lái xe gây tai nạn; gây mất trật tự xã hội do hay gây rối, đánh nhau. Chỉ có khoảng 1/3 người di cư đánh giá người di cư đã tác động tiêu cực đến xã hội do trộm cắp đồ của nhau và gây lộn xộn xã hội ở nơi cư trú mới.

6.2. Hàm ý chính sách

Từ các kết luận trên, nhóm nghiên cứu đề xuất một số hàm ý chính sách sau:

Cần tính toán các động lực di cư giữa các vùng và nhập cư vào Đông Nam Bộ trong thời gian tới để xây dựng kế hoạch và chính sách sử dụng lao động phù hợp với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội chung của đất nước và của vùng Đông Nam Bộ.

Tạo điều kiện để người lao động nhập cư đến địa phương có thể hòa nhập cộng đồng thông qua việc vận động họ tham gia sinh hoạt động đồng và trợ giúp tổ chức các cuộc giao lưu giữa người dân địa phương và người di cư.

Ủy ban nhân dân và Sở Lao động của các tỉnh/thành phố đón tiếp lao động cần liên hệ với các doanh nghiệp để nắm bắt nhu cầu lao động thực tế và thành lập các trung tâm giới thiệu việc làm cung cấp thông tin này đến rộng rãi người lao động nói chung và lao động di cư. Cần thành lập các cơ quan, bộ phận công tác xã hội để đáp ứng nhu cầu trợ giúp tâm lý và bảo vệ an ninh cho người lao động nói chung và người di cư mới nói riêng. □

Lời thừa nhận/cảm ơn: Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số II.6.2-2012.01

Tài liệu tham khảo

- Đặng Nguyên Anh (1997), ‘Về vai trò di cư nông thôn - đô thị trong sự nghiệp phát triển nông thôn hiện nay’, *Tạp chí Xã hội học*, 4/1997, 15-20.
- Đặng Nguyên Anh (1998), ‘Di cư và phát triển trong bối cảnh đổi mới kinh tế - xã hội của đất nước’, *Tạp chí Xã hội học*, 1/1998, 3-12.
- Đặng Nguyên Anh (1999), ‘Di dân và quản lý di dân trong giai đoạn phát triển mới: Một số suy nghĩ từ góc độ nghiên cứu’, *Tạp chí Xã hội học*, 3&4/1999, 39-44.
- Đặng Nguyên Anh (2005), ‘Chiều cạnh giới của di dân lao động thời kỳ công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước’, *Tạp chí Xã hội học*, 2/2005, 23-32.
- Laing, D., Park, C. & Wang, P. (2005), ‘Chapter 11. A Modified Harris-Todaro Model of Rural-Urban Migration for China’, in *Critical Issues in China's Growth and Development*, Yum K. Kwan and Eden S.H. Yu, City University of Hong Kong, Published by Ashgate Publishing Limited, England.
- Lewis, W.A. (1954), *Economic Development with Unlimited supplies of labour*, The Manchester School, UK, 401-449.
- Tổng cục Thống kê (2010), *Tổng điều tra Dân số và Nhà ở Việt Nam 1.4.2009: Những kết quả chủ yếu*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
- Tổng cục Thống kê (2015), *Điều tra Dân số và Nhà ở giữa kỳ thời điểm ngày 1.4.2014: Các kết quả chủ yếu*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
- UN Việt Nam (2010), *Di cư trong nước: Cơ hội và thách thức đối với sự phát triển kinh tế-xã hội ở Việt Nam*, Hà Nội.
- Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội khoá XI (2005), *Đánh giá chính sách di dân tới đô thị*, Báo cáo kết quả nghiên cứu, Hà Nội.
- Viện nghiên cứu kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (1996), *Di dân, nguồn nhân lực, việc làm và đô thị hoá ở thành phố Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Zhu, N. (2002), ‘Impacts of Income Gap on Migration Decision in China: A Verification of the Todaro Model’, *China Economic Review*, 13 (2002), 213-230.